Chi tiết mã HS 2105.00.00

Mã HS	2105.00.00
Mô tả hàng hóa	Kem lạnh và sản phẩm ăn được tương tự khác, có hoặc không chứa ca cao
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	09/11/2026 06:17:44
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/21050000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K2682
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N2682
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q2682
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	2,5	2,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục B)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	10	10%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	10,9	10,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	8	8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E2670
ATIGA	2022	2022	0	AT!E2631
ATIGA	2023	2023	0	AT!F2631
ATIGA	2024	2024	0	AT!G2631
ATIGA	2025	2025	0	AT!H2631
ATIGA	2026	2026	0	AT!I2631
ATIGA	2027	2027	0	AT!J2631
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E2669
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F2669

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G2669
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H2669
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I2669
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J2669
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	6	VJ!E2671
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	VJ!F2671
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G2671
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H2671
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I2671
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J2671
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F2673
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H2637
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F2633
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G2633
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H2633
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I2633
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J2633
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K2633
VKFTA	2022	2022	0	VK!E2633
VKFTA	2023	2023	0	VK!F2633
VKFTA	2024	2024	0	VK!G2633
VKFTA	2025	2025	0	VK!H2633
VKFTA	2026	2026	0	VK!I2633
VKFTA	2027	2027	0	VK!J2633
VCFTA	2022	2022	6	VC!D2680
VCFTA	2023	2023	3	VC!E2680

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F2680
VCFTA	2025	2025	0	VC!G2680
VCFTA	2026	2026	0	VC!H2680
VCFTA	2027	2027	0	VC!I2680
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D2677
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E2677
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F2677
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G2677
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H2677
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I2677
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D2685
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E2685
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F2685
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G2685
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H2685
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I2685
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D2656
EVFTA	2023	2023	10	EV-NK!E2656
EVFTA	2024	2024	7,5	EV-NK!F2656
EVFTA	2025	2025	5	EV-NK!G2656
EVFTA	2026	2026	2,5	EV-NK!H2656
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I2656
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D2658
UKVFTA	2023	2023	10	UKV!E2658
UKVFTA	2024	2024	7,5	UKV!F2658
UKVFTA	2025	2025	5	UKV!G2658

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	2,5	UKV!H2658
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I2658
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	4	CPTPP!D2652
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E2652
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F2652
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G2652
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H2652
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I2652
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J2652
RCEP A	2022	2022	18	RCEPT-A!D2675
RCEP A	2023	2023	16	RCEPT-A!E2675
RCEP A	2024	2024	14	RCEPT-A!F2675
RCEP A	2025	2025	12	RCEPT-A!G2675
RCEP A	2026	2026	10	RCEPT-A!H2675
RCEP A	2027	2027	8	RCEPT-A!I2675
RCEP B	2022	2022	18	B!D2675
RCEP B	2023	2023	16	B!E2675
RCEP B	2024	2024	14	B!F2675
RCEP B	2025	2025	12	B!G2675
RCEP B	2026	2026	10	B!H2675
RCEP B	2027	2027	8	B!I2675
RCEP C	2022	2022	18	C!D2675
RCEP C	2023	2023	16	C!E2675
RCEP C	2024	2024	14	C!F2675
RCEP C	2025	2025	12	C!G2675
RCEP C	2026	2026	10	C!H2675

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	8	C!I2675
RCEP D	2022	2022	18,2	D!D2675
RCEP D	2023	2023	16,4	D!E2675
RCEP D	2024	2024	14,5	D!F2675
RCEP D	2025	2025	12,7	D!G2675
RCEP D	2026	2026	10,9	D!H2675
RCEP D	2027	2027	9,1	D!I2675
RCEP E	2022	2022	18	E!D2678
RCEP E	2023	2023	16	E!E2678
RCEP E	2024	2024	14	E!F2678
RCEP E	2025	2025	12	E!G2678
RCEP E	2026	2026	10	E!H2678
RCEP E	2027	2027	8	E!I2678
RCEP F	2022	2022	18	F!D2675
RCEP F	2023	2023	16	F!E2675
RCEP F	2024	2024	14	F!F2675
RCEP F	2025	2025	12	F!G2675
RCEP F	2026	2026	10	F!H2675
RCEP F	2027	2027	8	F!I2675
VIFTA	2024	2024	16	VI!F2496
VIFTA	2025	2025	12	VI!G2496
VIFTA	2026	2026	8	VI!H2496
VIFTA	2027	2027	4	VI!I2496

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)		1182/QĐ-BCT-PL	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2105.00.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 2105.00.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N2682), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
HH KTCN về an toàn thực phẩm (1182/QĐ-BCT-PL2-2021)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.